

PHỤ LỤC IV: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THÀNH PHỐ CHUYÊN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN TRƯỚC SANG GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên chương trình, dự án	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư				Lũy kế vốn giải ngân đến hết 31/01/2026				Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2026								
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó			Kế hoạch vốn đã giao			Kế hoạch vốn điều chỉnh					
			Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách thành phố		Nguồn đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật và nguồn vốn khác	NSTW trong nước	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật	Tổng số	Bao gồm:		Tổng số	Bao gồm:		Chênh lệch (Tăng/Giảm)	
				Ngân sách thành phố								Ngân sách thành phố	Ngân sách thành phố		Ngân sách thành phố	Tăng	Giảm	
	CÁC DỰ ÁN THÀNH PHỐ QUẢN LÝ		12.013.430,664	213.156,000	11.028.928,664	771.346,000	6.669.474,208	213.025,587	5.800.392,648	656.055,974	2.876.627,820	2.869.376,916	7.250,904	2.814.360,674	2.775.181,281	39.179,393	122.903,011	-185.170,157
1	Xây dựng Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, Trường Tiểu học Hồng Phong, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	100/QĐ-STC, 30/1/2026	5.002,409		2.409	5.000,000	1.250,000			1.250,000	4.350,904	600,000	3.750,904	3.752,409	2.409	3.750,000		-598,495
2	Xây dựng Nhà đa năng Trường Mầm non Nghĩa An, huyện Ninh Giang	101/QĐ-STC, 30/01/2026	5.057,338		57,338	5.000,000	1.500,000			1.500,000	4.000,000	500,000	3.500,000	3.557,338	57,338	3.500,000		-442,662
3	Dự án đường nối từ đường Nguyễn Lương Bằng với đường Trần Nhân Tông, quận Kiến An	600/QĐ-UBND, 08/3/2023; 4122/QĐ-UBND, 12/11/2024; 2556/QĐ-UBND, 30/6/2025	408.018,00		408.018,00		377.512,412		377.512,412		31.814,918	31.814,918		11.814,918	11.814,918			-20.000,000
4	Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện	709/QĐ-UBND, 21/3/2023; 3247/QĐ-UBND, 16/9/2024; 4416/QĐ-UBND, 04/11/2025	8.593.119,000	0,000	8.593.119,000		3.679.107,48		3.679.107,48		2.810.829,000	2.810.829,000		2.659.000,000	2.659.000,000			-151.829,000
5	Xây dựng hệ thống thoát nước từ đường Phan Đăng Lưu qua đường Hoàng Quốc Việt ra sông Lạch Tray	531/QĐ-UBND, 03/4/2023	46.715,79		46.715,79		35.525,26		35.525,26		6.000,000	6.000,000		1.000,000	1.000,000			-5.000,000
6	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại dân phố Phương Khê, phường Đồng Hòa, quận Kiến An	2266/QĐ-UBND, 12/7/2022; 452/QĐ-UBND, 21/02/2025	86.971,00		86.971,00		45.473,00		45.473,00		10.602,500	10.602,500		5.602,500	5.602,500			-5.000,000
7	Cải tạo, nâng cấp đường Trần Nhộ, phường Văn Đẩu	781/QĐ-UBND, 17/4/2025	14.500,00		14.500,00		12.513,47		12.513,47		1.986,529	1.986,529		1.386,529	1.386,529			-600,000
8	Cải tạo, nâng cấp đường Đồng Quy, phường Bắc Hà	789/QĐ-UBND, 17/4/2025	19.850,71		19.850,71		14.206,93		14.206,93		5.643,776	5.643,776		4.143,776	4.143,776			-1.500,000
9	Cải tạo, nâng cấp đường Đẩu Phương, phường Văn Đẩu	780/QĐ-UBND, 17/4/2025	3.941,65		3.941,65		2.541,45		2.541,45		1.400,193	1.400,193		1.200,193	1.200,193			-200,000
10	Bảo tồn Khu di tích lịch sử - văn hóa Côn Sơn - Kiếp Bạc gắn với phát triển du lịch	3424/QĐ-UBND, 26/12/2024; 4748/QĐ-UBND, 25/11/2025	180.618,000	100.000,000	80.618,000	0,000	100.000,000	100.000,000	0,000	0,000	0,000	0,000		80.618,000	80.618,000		80.618,000	
11	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư - tái định cư thôn Mậu Tân, xã Cẩm Hưng	660/QĐ-STC, 28/11/2025	12.593,048		12.593,048		12.312,036		12.312,036		0,000	0,000		281,012	281,012		281,012	
12	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Kim Tân, huyện Kim Thành	3241/QĐ-UBND, 31/10/2024	27.497,916		27.497,916		23.574,000		23.574,000		0,000	0,000		1.200,000	1.200,000		1.200,000	
13	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển vùng sản xuất rươi, cây và nuôi trồng thủy sản tại xã Liên Hòa, huyện Kim Thành	1177/QĐ-UBND, 17/4/2025	16.608,000		16.608,000		12.982,000		12.982,000		0,000	0,000		686,000	686,000		686,000	

STT	Tên chương trình, dự án	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư				Lũy kế vốn giải ngân đến hết 31/01/2026				Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2026								
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó			Kế hoạch vốn đã giao			Kế hoạch vốn điều chỉnh					
			Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách thành phố		Nguồn đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật và nguồn vốn khác	NSTW trong nước	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật	Tổng số	Bao gồm:		Tổng số	Bao gồm:		Chênh lệch (Tăng/Giảm)	
				NSTW trong nước								Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật		Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật	Tăng	Giảm
14	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đê biển Nam Đình Vũ thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải	955/QĐ-BQL, 20/12/2010; 2584/QĐ-UBND, 27/12/2013; 2131/QĐ-UBND, 02/8/2021; 4525/QĐ-UBND, 03/12/2024	2.284.038,000	113.156,00	1.409.536,00	761.346,00	2.072.813,862	113.025,587	1.306.482,301	653.305,974			31.929,393		31.929,393	31.929,393		
15	Đầu tư xây dựng Trường Mầm non Bắc Sơn (cơ sở 2)	2349/QĐ-UBND, 25/10/2023	14.925,20		14.925,20		14.050,00		14.050,00		0,000	0,000	100,000	100,000		100,000		
16	Xây dựng hoàn thiện Trường Mầm non Bắc Sơn (cơ sở 2)	686/QĐ-UBND, 06/5/2024	8.249,82		8.249,82		7.780,00		7.780,00		0,000	0,000	100,000	100,000		100,000		
17	Xây dựng nhà lớp học 4 tầng Trường Tiểu học Đồng Hòa	3295/QĐ-UBND, 11/12/2023	14.967,42		14.967,42		12.777,50		12.777,50		0,000	0,000	200,000	200,000		200,000		
18	Xây dựng nhà lớp học, chức năng 2 tầng trên móng 4 tầng Trường THCS Bắc sơn và các hạng mục phụ trợ	3296/QĐ-UBND, 11/12/2023	14.988,69		14.988,69		13.970,00		13.970,00		0,000	0,000	100,000	100,000		100,000		
19	Xây dựng tầng 3, tầng 4 nhà lớp học chức năng 04 tầng Trường THCS Bắc sơn và các hạng mục phụ trợ	2969/QĐ-UBND, 12/12/2024	14.900,18		14.900,18		11.670,00		11.670,00		0,000	0,000	150,000	150,000		150,000		
20	Xây dựng nhà lớp học, chức năng 02 tầng trên móng 04 tầng Trường Tiểu học Ngọc Sơn và các hạng mục phụ trợ	2970/QĐ-UBND, 12/12/2024	14.880,87		14.880,87		14.240,00		14.240,00		0,000	0,000	300,000	300,000		300,000		
21	Mở rộng, nâng cấp hạ tầng giao thông tại nút giao thông ngã 5 Kiến An đoạn từ đường Trần Tất Văn đến đường Nguyễn Lương Bằng, quận Kiến An	424/QĐ-UBND, 27/3/2024	6.034,92		6.034,92		5.887,42		5.887,42		0,000	0,000	100,000	100,000		100,000		
22	Đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Văn Đâu	158/QĐ-UBND, 01/02/2024	129.442,72		129.442,72		124.595,23		124.595,23		0,000	0,000	38,606	38,606		38,606		
23	Vườn hoa hồ Hạnh Phúc, phường Trần Thành Ngọ, quận Kiến An	2679/QĐ-UBND, 06/9/2023	79.970,00		79.970,00		63.861,65		63.861,65		0,000	0,000	7.000,000	7.000,000		7.000,000		
24	Vườn hoa phường Nam Sơn, quận Kiến An	2938/QĐ-UBND, 28/9/2023; 884/QĐ-UBND, 12/03/2025	10.540,00		10.540,00		9.330,50		9.330,50		0,000	0,000	100,000	100,000		100,000		